

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh các báo cáo tài chính	10 - 24



## Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam ("Công ty") là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 146/UBCK-GP ngày 07 tháng 08 năm 2008 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi cơ cấu vốn các cổ đông sáng lập của Công ty, và Giấy phép số 164/UBCK-GP ngày 13 tháng 11 năm 2008 về việc thay đổi tên công ty thành Công ty Chứng khoán Kenanga Việt Nam và đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 97 Trần Hưng Đạo, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Công ty cũng đồng thời có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỐ TỨC

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cho giai đoạn từ ngày 03/12/2007 đến ngày 31/12/2008 (Trình bày lại)	
	Năm 2009	
Lỗ thuần sau thuế cho giai đoạn	(6.980.512.460)	(3.930.032.820)
Cố tức trả trong giai đoạn	-	-
Cố tức công bố nhưng chưa trả trong giai đoạn	-	-
Lỗ lũy kế vào cuối năm	(10.910.545.280)	(3.930.032.820)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Quang Trung	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 09 năm 2009
Ông Đỗ Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 08 năm 2008
		Miễn nhiệm ngày 10 tháng 09 năm 2009
Ông Lương Trọng Diệp	Phó tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2008
		Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2009
Ông Cao Văn Sơn	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2008
Ông Trần Văn Hồi	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2008
Ông Dato' Ramli Bin Ismail	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2009
Ông Tengku Zafrul Bin Tengku Abdul Aziz	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 09 năm 2009
Ông Kevin How Kow	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2009

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Văn Kiên	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2008
Lê Quốc Tuấn	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2008
Lê Thị Vân	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2008

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Đỗ Quang Trung  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2010



Số tham chiếu: 60829428/14190008

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam ("Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") như được trình bày từ trang 4 đến trang 24. Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 03 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi một kiểm toán viên khác và báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 02 tháng 03 năm 2009 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với các báo cáo tài chính này.

### *Cơ sở Ý kiến Kiểm toán*

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### *Ý kiến Kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

*Võ Tấn Hoàng Văn*

Võ Tấn Hoàng Văn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0264/KTV

*Đào Thanh Tùng*

Đào Thanh Tùng  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0516/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (Trình bày lại)
100	<b>A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>		<b>121.159.883.324</b>	<b>30.981.969.239</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>III.1</b>	<b>118.491.512.426</b>	<b>30.243.376.955</b>
111	1. Tiền		4.491.512.426	1.243.376.955
112	2. Các khoản tương đương tiền		114.000.000.000	29.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.571.440.999</b>	<b>688.844.262</b>
135	1. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
138	2. Các khoản phải thu khác	III.3	2.571.440.999	688.844.262
139	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>96.929.899</b>	<b>49.748.022</b>
151	1. Chi phí trả trước		49.091.872	-
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		47.838.027	49.748.022
200	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.988.258.952</b>	<b>7.169.607.011</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>3.980.863.752</b>	<b>5.070.416.148</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	III.4.1	3.353.649.322	4.465.221.628
222	Nguyên giá		5.670.289.506	5.422.165.122
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.316.640.184)	(956.943.494)
227	2. Tài sản cố định vô hình	III.4.2	627.214.430	605.194.520
228	Nguyên giá		814.275.200	640.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(187.060.770)	(34.805.480)
250	3. Mua sắm tài sản cố định		-	-
250	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác		-	-
259	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		-	-
260	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.007.395.200</b>	<b>2.099.190.863</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	III.5	872.040.304	1.524.187.253
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	III.6	126.938.796	120.187.610
268	4. Tài sản dài hạn khác	III.7	1.008.416.100	454.816.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>127.148.142.276</b>	<b>38.151.576.250</b>

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.058.687.556</b>	<b>2.081.609.070</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.058.687.556</b>	<b>2.081.609.070</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		-	37.196.038
313	3. Người mua ứng trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	III.8	69.926.803	11.296.286
315	5. Phải trả người lao động		341.050.228	72.307.135
316	6. Chi phí phải trả	III.9	7.204.000	763.530.200
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		2.405.282.446	980.718.715
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		14.040	-
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	III.10	235.210.039	216.560.696
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
334	1. Nợ dài hạn		-	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
<b>400</b>	<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>124.089.454.720</b>	<b>36.069.967.180</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>III.11</b>	<b>124.089.454.720</b>	<b>36.069.967.180</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	40.000.000.000
413	2. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		(10.910.545.280)	(3.930.032.820)
<b>430</b>	<b>II. Quỹ khen thưởng và phúc lợi</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>127.148.142.276</b>	<b>38.151.576.250</b>

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
1. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		300.000.000	-
2. Các loại ngoại tệ		102	215
3. Chứng khoán lưu ký		4.688.100.000	1.445.400.000
Trong đó:			
3.1 Chứng khoán giao dịch		4.505.200.000	1.399.800.000
3.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
3.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		4.505.200.000	1.399.800.000
3.2 Chứng khoán chờ thanh toán		182.900.000	45.600.000
3.2.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	-
3.2.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		182.900.000	45.600.000
4. Chứng khoán lưu ký của công ty đại chúng chưa niêm yết		-	19.700.000
4.1 Chứng khoán giao dịch		-	19.700.000
4.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
4.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		-	19.700.000
4.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Trưởng phòng Kế toán

Ông Đỗ Trí Dũng  
Giám đốc Tài Chính

Ông Cheh Chee Mun  
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Từ ngày 03/12/2007 đến 31/12/2008 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu		6.272.126.776	4.756.818.657
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu môi giới chứng khoán		480.008.323	78.392.673
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		-	-
01.9	- Doanh thu khác	III.12	5.792.118.453	4.678.425.984
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		6.272.126.776	4.756.818.657
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	III.13	(3.846.317.593)	(3.151.424.834)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh		2.425.809.183	1.605.393.823
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	III.14	(9.408.137.017)	(5.166.398.877)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.982.327.834)	(3.561.005.054)
31	8. Thu nhập khác		4.725.000	172.246.296
32	9. Chi phí khác		(2.909.626)	(541.274.062)
40	10. Lợi nhuận/(lỗ) khác		1.815.374	(369.027.766)
50	11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		(6.980.512.460)	(3.930.032.820)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	III.8	-	-
60	13. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.980.512.460)	(3.930.032.820)
90	14. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	III.15	(1.037)	(983)

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Trưởng phòng Kế toán

Ông Đỗ Trí Dũng  
Giám đốc Tài chính

Ông Cheh Chee Mun  
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Từ ngày 03/12/2007 đến ngày 31/12/2008 (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		(6.980.512.460)	(3.930.032.820)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao/khấu trừ tài sản cố định	III.4	-	-
03	Các khoản lập dự phòng		1.511.951.980	1.087.087.801
05	Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư		-	-
06	Chi phí lãi vay		-	-
07	Lãi/(lỗ) từ thanh lý tài sản cố định		-	393.013.181
	<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(5.468.560.480)</b>	<b>(2.449.931.838)</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(2.441.038.029)	(1.313.595.894)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		977.078.486	2.081.609.070
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		603.055.078	(1.524.187.253)
13	Tiền lãi vay đã trả		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(6.329.464.945)	(3.206.105.915)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	III.4	(422.399.584)	(6.698.776.222)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	148.259.092
25	Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác		-	-
28	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(422.399.584)	(6.550.517.130)

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Từ ngày 03/12/2007 đến ngày 31/12/2008 (Trình bày lại)
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	40.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		95.000.000.000	40.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		88.248.135.471	30.243.376.955
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		30.243.376.955	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	III.1	118.491.512.426	30.243.376.955

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Trưởng phòng Kế toán

Ông Đỗ Trí Dũng  
Giám đốc Tài chính

Ông Cheh Chee Mun  
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam ("Công ty") là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 146/UBCK-GP ngày 07 tháng 08 năm 2008 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi cơ cấu vốn các cổ đông sáng lập của Công ty, và Giấy phép số 164/UBCK-GP ngày 13 tháng 11 năm 2008 về thay đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam và đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 97 Trần Hưng Đạo, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Công ty cũng đồng thời có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 03 tháng 12 năm 2007 là 40 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong năm 2009 lên 135 tỷ theo Quyết định số 260/UBCK-GP ngày 11 tháng 09 năm 2009.

**Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng**

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Cheh Chee Mun	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2009
Đỗ Trí Dũng	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2008
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2009
Tôn Thất Hào	Giám đốc Tài Chính	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2009
Vũ Thị Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2009
	Quyền Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 07 năm 2008
Lương Thị Trà	Quyền Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 06 năm 2009
		Bổ nhiệm ngày 08 tháng 06 năm 2009
Phạm Thị Vân	Quyền Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 06 năm 2009
		Bổ nhiệm ngày 22 tháng 06 năm 2009
		Miễn nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2009

**Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 34 nhân viên (năm 2008: 22 nhân viên).



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

**Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc của Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 03 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các kỳ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. **Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. **Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Nâng cấp cải tạo văn phòng	3 năm
Phần mềm, website	3 - 5 năm

8. **Thuế tài sản**

Các khoản tiền thuế theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

9. **Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

10. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập phải nộp hoàn tài sản thuế thu nhập cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

11. **Thuế thu nhập doanh nghiệp** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại* (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

12. **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Doanh thu khác*

Doanh thu khác bao gồm thu lãi tiền gửi, và các khoản thu khác. Thu lãi được ghi nhận trên cơ sở dự thu. Đối với các cam kết quá hạn, Công ty không tiến hành dự thu lãi, thu nhập lãi của các hợp đồng này được ghi nhận khi thực thu tiền.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

13. Lợi ích của nhân viên

*Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

*Trợ cấp thất nghiệp*

Theo Điều 25 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ và Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH ngày 21/01/2009 của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

14. Số liệu so sánh

Năm 2009, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 95/2008/TT-BTC trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính. Theo đó, một số khoản mục trên các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008 được trình bày lại cho phù hợp với Thông tư 95/2008/TT-BTC. Chi tiết cụ thể như sau:

*Trích từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 03 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008*

	2008 Số đã báo cáo đóng	Điều chỉnh đóng	2008 Trình bày lại đóng
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(4.785.324.377)	(381.074.500)	(5.166.398.877)
Ảnh hưởng đối với lợi nhuận trước thuế	(3.548.958.320)	(381.074.500)	(3.930.032.820)
Ảnh hưởng đối với lợi nhuận sau thuế	(3.548.958.320)	(381.074.500)	(3.930.032.820)

Điều chỉnh khoản chi phí lương của nhân sự cấp cao trong năm 2008 đang treo trên tài khoản "các khoản phải thu" vào "chi phí quản lý doanh nghiệp" năm 2008.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

III.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 đồng
Tiền	<b>4.491.512.426</b>	<b>1.243.376.955</b>
Tiền mặt tại quỹ	2.194.397	33.856.357
Tiền gửi thanh toán của công ty	2.084.035.583	228.801.883
Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư	2.405.282.446	980.718.715
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>114.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	114.000.000.000	29.000.000.000
	<b>118.491.512.426</b>	<b>30.243.376.955</b>

(\*) Trong đó bao gồm khoản tiền ủy thác 28.000.000.000 VND cho Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam. Kỳ hạn từ ngày gửi đến ngày đáo hạn là 3 tháng và Công ty nhận được lãi suất cố định xác định trước từ 9,90% đến 10,00%/năm (năm 2008 là 10.000.000.000 VND với lãi suất 15,80%/năm).

III.2. Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ đồng
<b>1. Của Công ty chứng khoán</b>		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
<b>2. Của người đầu tư</b>	<b>4.798.520</b>	<b>174.296.241.000</b>
- Cổ phiếu	4.798.520	174.296.241.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
	<b>4.798.520</b>	<b>174.296.241.000</b>

III.3. Các khoản phải thu khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 đồng
Phải thu nhà đầu tư	307.161.138	458.655
<i>Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư (*)</i>	307.161.138	-
<i>Phải thu khác</i>	-	458.655
Ứng trước cho người bán	884.698.213	9.541.290
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	115.156.105	74.121.317
Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	1.264.188.889	604.723.000
Phải thu khác	236.654	-
	<b>2.571.440.999</b>	<b>688.844.262</b>

(\*) Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán. Theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán vào ngày thứ ba (ngày T+3) kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công trên trung tâm giao dịch. Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư trong thời gian Trung tâm giao dịch chứng khoán bù trừ tiền sẽ có mức phí là 0,05%/ngày tính trên số tiền ứng trước và tối thiểu là 50.000 đồng.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.4. Tài sản cố định

III.4.1. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tài sản cố định hữu hình năm 2009 như sau:

	Máy móc thiết bị đồng	Nâng cấp cải tạo văn phòng đồng	Tài sản khác đồng	Tổng cộng đồng
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	3.907.327.010	1.473.624.112	41.214.000	5.422.165.122
Mua trong năm	211.949.784	-	36.174.600	248.124.384
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	4.119.276.794	1.473.624.112	77.388.600	5.670.289.506
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	497.693.296	450.274.034	8.976.164	956.943.494
Khấu hao	857.645.836	491.208.047	10.842.807	1.359.696.690
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.355.339.132	941.482.081	19.818.971	2.316.640.184
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	3.409.633.714	1.023.350.078	32.237.836	4.465.221.628
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.763.937.662	532.142.031	57.569.629	3.353.649.322

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm 2008 như sau:

	Máy móc thiết bị đồng	Nâng cấp cải tạo văn phòng đồng	Tài sản khác đồng	Tổng cộng đồng
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 03 tháng 12 năm 2007	-	-	-	-
Mua trong năm	4.399.578.540	1.473.624.112	185.573.570	6.058.776.222
Thanh lý trong năm	(492.251.530)	-	(144.359.570)	(636.611.100)
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	3.907.327.010	1.473.624.112	41.214.000	5.422.165.122
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Ngày 03 tháng 12 năm 2007	-	-	-	-
Khấu hao	572.927.129	450.274.034	29.081.158	1.052.282.321
Thanh lý trong năm	(75.233.833)	-	(20.104.994)	(95.338.827)
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	497.693.296	450.274.034	8.976.164	956.943.494
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 03 tháng 12 năm 2007	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	3.409.633.714	1.023.350.078	32.237.836	4.465.221.628

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.4. Tài sản cố định (tiếp theo)

III.4.2 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tài sản cố định vô hình năm 2009 như sau:

	<i>Phần mềm đồng</i>	<i>Website đồng</i>	<i>Tổng cộng đồng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	480.000.000	160.000.000	640.000.000
Tăng trong năm	174.275.200	-	174.275.200
Giảm trong năm	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	654.275.200	160.000.000	814.275.200
<b>Hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	29.194.521	5.610.959	34.805.480
Khấu hao trong năm	120.255.291	31.999.999	152.255.290
Giảm trong năm	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	149.449.812	37.610.958	187.060.770
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	450.805.479	154.389.041	605.194.520
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	504.825.388	122.389.042	627.214.430

Chi tiết tài sản cố định vô hình năm 2008 như sau:

	<i>Phần mềm đồng</i>	<i>Website đồng</i>	<i>Tổng cộng đồng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 03 tháng 12 năm 2007	-	-	-
Tăng trong năm	480.000.000	160.000.000	640.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	480.000.000	160.000.000	640.000.000
<b>Hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 03 tháng 12 năm 2007	-	-	-
Khấu hao trong năm	29.194.521	5.610.959	34.805.480
Giảm trong năm	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	29.194.521	5.610.959	34.805.480
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 03 tháng 12 năm 2007	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	450.805.479	154.389.041	605.194.520

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.5. Chi phí trả trước dài hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 đồng</i>
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	172.291.615	354.597.392
Chi phí trả trước hoạt động	567.454.113	1.091.257.917
Chi phí trả trước khác	132.294.576	78.331.944
	<b>872.040.304</b>	<b>1.524.187.253</b>

III.6. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 đồng</i>
Số dư đầu năm	120.187.610	-
Tiền nộp bổ sung trong năm	2.614.342	120.000.000
Tiền lãi phân bổ trong năm	4.136.844	187.610
	<b>126.938.796</b>	<b>120.187.610</b>

III.7. Tài sản dài hạn khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 đồng</i>
Đặt cọc sử dụng dịch vụ thẻ Mai Linh	10.000.000	10.000.000
Đặt cọc thuê văn phòng chi nhánh Hà Nội	415.750.000	415.750.000
Đặt cọc thuê văn phòng chi nhánh Hồ Chí Minh	561.278.500	-
Đặt cọc tiền nhà cho Ông Cheh Chee Mun	21.387.600	29.066.000
	<b>1.008.416.100</b>	<b>454.816.000</b>

III.8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 đồng</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.026.803	11.296.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế khác	37.900.000	-
	<b>69.926.803</b>	<b>11.296.286</b>



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)

*Thuế Thu nhập Doanh nghiệp*

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 2007. Năm 2017 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 25%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đồng	Giai đoạn từ ngày 03/12/2007 đến 31/12/2008 đồng
Lỗ thuần trước thuế	(6.980.512.460)	(3.930.032.820)
Cộng: Chi phí không thuộc diện được khấu trừ	-	-
Trừ: Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	(6.980.512.460)	(3.930.032.820)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng là 20%	-	-
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 03	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	-	-
Thuế TNDN phải nộp/(được khấu trừ) đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	-	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận*

*Lỗi chuyển sang từ năm trước*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 10.910.545.280 VNĐ (31 tháng 12 năm 2008: 3.930.032.820 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị: đồng

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2009	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2009
2008	2013	(3.930.032.820)	-	-	(3.930.032.820)
2009	2014	(6.980.512.460)	-	-	(6.980.512.460)
		<b>(10.910.545.280)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(10.910.545.280)</b>

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế trị giá 10.910.545.280 đồng Việt Nam do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

III.9. Chi phí phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 đồng
Phải trả về chi phí quản lý nhân sự cấp cao	-	696.057.000
Phải trả về chi phí hoạt động khác	7.204.000	67.473.200
	<b>7.204.000</b>	<b>763.530.200</b>

III.10. Phải trả phải nộp khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 đồng
Phải trả Công ty Kenanga Holding	207.283.123	207.289.170
Phải trả Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	25.138.726	1.843.603
Phải trả về chi phí hoạt động văn phòng	2.788.190	7.427.923
	<b>235.210.039</b>	<b>216.560.696</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.11. Vốn chủ sở hữu

	Số đầu kỳ đồng	Tăng trong kỳ đồng	Giảm trong kỳ đồng	Số cuối kỳ đồng
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	95.000.000.000	-	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
6. Lỗi lũy kế	(3.930.032.820)	(6.980.512.460)	-	(10.910.545.280)
	<b>36.069.967.180</b>	<b>88.019.487.540</b>	<b>-</b>	<b>124.089.454.720</b>

III.12. Doanh thu khác

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009 đồng	Từ ngày 03/12/2007 đến ngày 31/12/2008 đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	5.538.880.119	4.666.177.504
Lãi của hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	-	-
Các khoản thu khác	253.238.334	12.248.480
	<b>5.792.118.453</b>	<b>4.678.425.984</b>

III.13. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009 đồng	Từ ngày 03/12/2007 đến ngày 31/12/2008 đồng
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	45.481.981	8.116.417
Chi phí tự doanh chứng khoán	-	-
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.800.835.612	3.143.308.417
<i>Chi phí nhân viên</i>	473.003.884	758.797.206
<i>Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm</i>	172.889.734	217.167.759
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	1.359.563.720	899.691.571
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	899.880.953	690.703.057
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	889.699.590	470.781.760
<i>Chi phí khác</i>	5.797.731	106.167.064
	<b>3.846.317.593</b>	<b>3.151.424.834</b>



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009 đồng	Từ ngày 03/12/2007 đến ngày 31/12/2008 đồng
Chi phí nhân viên	2.438.918.923	1.677.246.743
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	129.621.166	106.877.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.388.260	187.396.230
Chi phí thuê nhà	889.699.590	352.195.340
Chi phí thuê nhân sự cao cấp	3.189.994.560	1.416.605.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.603.395.501	708.703.575
Thuế phí và lệ phí	63.671.121	44.280.833
Chi phí quảng cáo	169.803.167	49.880.000
Chi phí khác bằng tiền	770.644.729	623.213.484
	<b>9.408.137.017</b>	<b>5.166.398.877</b>

III.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009 đồng	Từ ngày 03/12/2007 đến ngày 31/12/2008 đồng
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.980.512.460)	(3.930.032.820)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.732.877	4.000.000
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(1.037)	(983)

IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC

IV.1. Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền đồng
Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam)	Cổ đông chiến lược	Tặng tiền gửi có kỳ hạn trong kỳ	18.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

IV.1. Giao dịch với các bên liên quan

Số dư Công ty với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Khoản phải thu đồng	Khoản phải trả đồng
Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam)	Cổ đồng chiến lược	Tiền gửi có kỳ hạn	28.000.000.000	-
Công ty Kenanaga Holding Berhad	Cổ đồng chính	Phải trả chi phí quảng cáo	-	207.283.123

IV.3. Cam kết thuê hoạt động

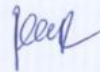
Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Đến 1 năm	1.800.702.288	1.703.947.536
Trên 1 - 5 năm	1.150.448.684	2.951.150.972
Trên 5 năm	-	-

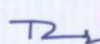
Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 17.941 đồng.

IV.2. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

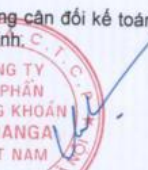
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Trưởng phòng Kế toán

  
Ông Đỗ Trí Dũng  
Giám đốc Tài chính



  
Ông Chee Chee Mun  
Quyền Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2010